BSC

Thứ năm, ngày 5 tháng 4 năm 2018

Vietnam Daily Review

Tâm lý dè dặt

Tổng quan

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 6/4/2018		●	
Tuần 2/4-6/4/2018		●	
Tháng 4/2018		●	

Điểm nhấn

• Giằng co tiếp tục diễn ra trong phiên giao dịch hôm nay. Tuy nhiên, đà tăng trở lại vào cuối phiên khiến các chỉ số lấy lại sắc xanh.
• Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VIC (+3.39 điểm), BVH (+1.55 điểm), SAB (+0.28 điểm), FPT (+0.25 điểm) và NVL (+0.24 điểm).
• Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm ROS (-1.56 điểm), VNM (-1.44 điểm), BID (-1.00 điểm), PLX (-0.52 điểm) và VJC (-0.50 điểm).
• Dòng tiền tập trung vào nhóm Bất động sản và Xây dựng, duy trì lực đỡ cho chỉ số.
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 5,452 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 12.4 điểm. Thị trường có 174 mã tăng và 121 mã giảm.
• Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 1.63 điểm, đóng cửa tại 1,193.17 điểm. Bên cạnh đó, HNX-Index tăng 1.43 điểm lên 136.75 điểm.
• Khối ngoại hôm nay đã mua ròng 1.58 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã NVL (108.8 tỷ), CII (23.6 tỷ) và KBC (20.7 tỷ). Bên cạnh đó, họ bán ròng 8.11 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Thị trường có phiên giao dịch giằng co với tâm lý thận trọng hôm nay. Nhóm cổ phiếu Bất động sản và Xây dựng là tâm điểm dòng tiền từ thị trường với VIC, NVL, DXG, SCR. Một số cổ phiếu Bluechips hỗ trợ lực đỡ cho chỉ số là BVH, FPT, SAB. Nhóm Dầu khí cũng có dấu hiệu phục hồi dù thông tin giá dầu thế giới không mấy tích cực. Bên cạnh đó, nhóm cổ phiếu Ngân hàng và Chứng khoán tiếp tục phân hóa. Thanh khoản tiếp tục suy yếu cho thấy tâm lý dè dặt đã quay trở lại. BSC nhận định, VN-Index nhiều khả năng sẽ tiếp tục giao dịch giằng co tích lũy trong vùng đỉnh hiện tại, nhà đầu tư tiếp tục theo dõi thị trường và cân nhắc chốt lời một số mã trong danh mục ngắn hạn đã giải ngân các nhịp điều chỉnh trước đó.

Phân tích kỹ thuật: FPT_ Phần thưởng cho sự kiên nhẫn

Danh mục ngắn hạn: bổ sung **GTN, TDH;** cắt lỗ **ACV 5.1%**

(Vui lòng tải và xem **trang 2 báo cáo**)
(Để xem thêm thông tin cổ phiếu lớn, vui lòng tải và xem **trang 4 báo cáo**)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng
Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường
Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn
Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn
Trần Thành Hưng
hungtt@bsc.com.vn
Nguyễn Tuấn Anh
anhnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1193.17**
Giá trị: 5452.36 tỷ 1.63 (0.14%)
Khối ngoại (ròng): 1.58 tỷ

HNX-INDEX **136.75**
Giá trị: 854.89 tỷ 1.43 (1.06%)
Khối ngoại (ròng): -8.11 tỷ

UPCOM-INDEX **60.42**
Giá trị: 482.8 tỷ -0.04 (-0.07%)
Khối ngoại (ròng): -200.8 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	63.4	0.00%
Giá vàng	1,327	-1.16%
Tỷ giá USD/VND	22,809	-0.06%
Tỷ giá EUR/VND	27,909	-0.06%
Tỷ giá JPY/VND	21,300	-0.86%
LS liên NH 1 tháng	1.5%	-
LS TPCP 5 năm	2.6%	-

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
NVL	108.80	VJC	54.60
CII	53.60	GAS	42.10
KBC	20.70	BID	35.90
BVH	18.60	VIC	26.30
VND	18.00	VCB	20.70

Nguồn: BSC Research

Báo cáo này được xem là nguồn thông tin tham khảo. Vui lòng đọc kỹ phần Khuyến cáo sử dụng ở trang cuối.

Nguyễn Tuấn Anh
anhnt@bsc.com.vn

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

Mã	Thanh khoản (tr $)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
FPT	7.9	63.0	58	65	MUA	Tăng giá kéo dài
VCB	5.7	73.5	69	77	NGƯNG MUA	Tăng giá kéo dài
VIB	0.7	39.1	38	42	MUA	Giảm giá ngắn hạn
HVN	1.3	48.3	45	51	NGƯNG MUA	Giảm giá trung hạn
VIC	18.4	131.0	99	134	MUA	Tăng giá kéo dài
BID	3.4	44.0	43	47	NGƯNG MUA	Tăng giá kéo dài
NBB	0.5	19.6	17	22	NGƯNG MUA	Giảm giá kéo dài
HCM	1.9	90.4	76	93	MUA	Tăng giá kéo dài
HSG	1.5	22.6	23	25	MUA MẠNH	Tín hiệu MUA cùng Thanh khoản tăng
REE	1.2	39.2	37	41	NGƯNG MUA	Tăng giá kéo dài

Quý khách vui lòng liên hệ với tư vấn viên để có cập nhật thêm về tín hiệu trong phiên của cổ phiếu

Hình 1
HSX-Index Intraday

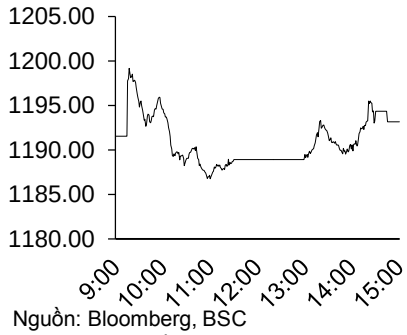

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday

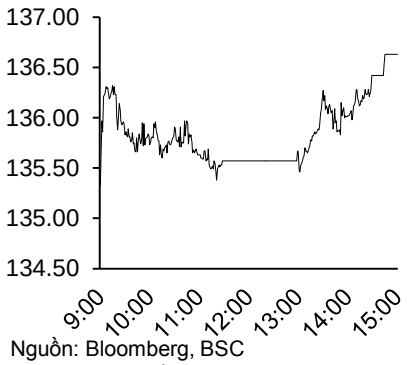

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Phân tích kỹ thuật

Mã chứng khoán: FPT_ Phần thưởng cho sự kiên nhẫn
Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: tăng giá dài hạn
- Chỉ báo MACD: phân kỳ bên trên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: tăng, vượt ngưỡng kháng cự
- Chỉ báo MFI: tăng

Nhận định: FPT đang trong xu hướng tăng giá dài hạn. Sau một đợt điều chỉnh mạnh, giá cổ phiếu đang trong xu hướng tích lũy ngắn hạn xung quanh đường MA 20 với biên độ hẹp dần, hình thành mô hình Tam Giác Cân. Đóng cửa phiên giao dịch hôm nay, FPT vượt ngưỡng kháng cự trên của mô hình với giá trị thanh khoản tốt. Các tín hiệu kỹ thuật khả quan cho thấy khả năng tiếp tục xu hướng tăng giá dài hạn của cổ phiếu. Kỳ vọng, FPT sẽ tiếp tục xu hướng tăng giá dài hạn.
Khuyến nghị: Giá mua: 61.5 – 63. Giá mục tiêu 73. Cắt lỗ: mất ngưỡng hỗ trợ 58..

Bảng 1
Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1804	1170.0	0.7%	-7.9%
VN30F1805	1177.0	0.4%	-33.8%
VN30F1806	1183.0	0.4%	24.2%
VN30F1809	1198.1	0.2%	143.4%

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VIC	131	2.8	4.2
FPT	63	2.1	1.1
BVH	107	6.1	0.8
CII	34	7.0	0.8
NVL	78	1.3	0.5

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
ROS	126	-6.7	-2.1
BID	44	-1.8	-0.3
VJC	218	-1.4	-1.3
VNM	197	-1.4	-1.3
PLX	81	-1.3	-0.3

Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	HBC	5/3/2018	42.80	48.50	13.3%	37.0	47.9
2	DXG	19/3/2018	38.40	37.95	-1.2%	36.0	43.0
3	GTN	4/5/2018	11.60	11.60	0.0%	10.9	14.0
4	TDH	4/5/2018	16.40	16.40	0.0%	15.5	18.0
Trung bình					**4.0%**		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	MBB	27/4/2015	13.8	36.70	165.9%	34.4	37.1
2	HPG	28/10/2016	25.5	58.80	130.9%	57.0	64.3
3	HCM	18/09/2017	41.9	90.40	115.8%	76.0	90.0
4	PDR	2/3/2018	37.4	40.60	8.7%	34.0	45.0
5	GEX	2/4/2018	36.8	39.50	7.5%	30.0	50.0
Trung bình					**85.7%**		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	PVT	23/06/2016	11.1	21.6	94.6%	19.5	22.7
2	CTI	29/07/2017	29.7	34.9	17.3%	31.2	36.3
3	ACB	2/2/2018	41.5	49.8	20.0%	38.3	47.0
4	PLX	16/3/2018	83.0	81.4	-1.9%	75.0	114.0
Trung bình					**32.5%**		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	105.4	0.5%	0.6	1,499	1.0	7,166	14.7	5.7	49.0%	45.3%
PNJ	Bán lẻ	200.5	-0.4%	0.8	955	1.0	6,727	29.8	7.3	49.0%	32.6%
BVH	Bảo hiểm	107.2	6.1%	1.5	3,214	2.3	2,246	47.7	5.2	25.2%	10.7%
PVI	Bảo hiểm	39.9	3.1%	0.6	403	2.3	2,114	18.9	1.3	43.9%	7.1%
VIC	Bất động sản	131.0	2.7%	1.3	15,222	18.4	2,373	55.2	10.3	10.7%	15.8%
VRE	Bất động sản	49.2	-0.6%	1.2	4,120	2.3	1,061	46.4	3.6	32.8%	9.0%
NVL	Bất động sản	78.0	1.3%	0.5	2,938	9.7	2,534	30.8	5.1	5.2%	18.7%
REE	Bất động sản	39.2	-0.4%	1.0	535	1.2	4,442	8.8	1.5	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	38.0	1.2%	1.1	506	9.3	2,494	15.2	3.0	42.1%	21.3%
SSI	Chứng khoán	41.9	0.0%	1.3	923	8.3	2,371	17.7	2.5	53.3%	14.2%
VCI	Chứng khoán	117.0	0.1%	0.6	618	0.3	5,527	21.2	10.1	39.8%	31.9%
HCM	Chứng khoán	90.4	1.3%	1.0	516	1.9	4,280	21.1	4.5	58.9%	17.8%
FPT	Công nghệ	63.0	2.1%	0.9	1,473	7.9	5,532	11.4	2.9	49.0%	28.0%
FOX	Công nghệ	79.5	-0.5%	0.2	528	0.0	5,180	15.3	3.9	0.2%	26.5%
GAS	Dầu khí	129.9	-0.1%	1.6	10,953	5.8	4,991	26.0	6.0	3.5%	24.0%
PLX	Dầu khí	81.4	-1.3%	1.4	4,155	1.9	3,012	27.0	4.6	12.1%	17.2%
PVS	Dầu khí	20.8	5.6%	1.9	409	4.1	1,792	11.6	0.9	16.7%	7.6%
PVD	Dầu khí	18.5	2.2%	1.7	312	1.0	0	399.8	0.5	24.5%	0.2%
DHG	Dược	114.7	0.6%	0.4	661	1.4	4,367	26.3	5.5	45.8%	20.5%
TRA	Dược	98.2	-1.7%	0.0	179	0.1	5,811	16.9	3.9	48.8%	24.6%
DPM	Hóa chất	21.3	0.0%	0.9	367	0.4	1,532	13.9	1.1	22.8%	8.7%
DCM	Hóa chất	13.0	4.8%	0.4	303	1.0	1,075	12.1	1.1	3.7%	9.5%
VCB	Ngân hàng	73.5	0.0%	1.5	11,649	5.7	2,527	29.1	5.0	20.6%	18.1%
BID	Ngân hàng	44.0	-1.8%	1.4	6,627	3.4	2,019	21.8	3.3	2.7%	15.6%
CTG	Ngân hàng	35.6	-0.8%	1.5	5,839	7.1	1,996	17.8	2.1	30.0%	12.0%
VPB	Ngân hàng	67.5	-0.9%	0.7	4,453	11.2	4,564	14.8	3.4	23.5%	26.9%
MBB	Ngân hàng	36.7	0.5%	1.0	2,935	6.7	1,955	18.8	2.4	20.0%	13.2%
ACB	Ngân hàng	49.8	1.4%	0.8	2,379	8.6	1,953	25.5	3.4	30.0%	14.1%
BMP	Nhựa	71.0	1.4%	0.9	256	0.7	5,676	12.5	2.4	71.4%	19.6%
NTP	Nhựa	61.5	0.5%	0.4	242	0.1	5,519	11.1	2.6	23.1%	25.1%
MSR	Tài nguyên	30.9	2.3%	1.4	979	0.3	286	108.0	1.9	2.1%	1.0%
HPG	Thép	58.8	-0.3%	0.8	3,929	5.4	5,540	10.6	2.8	39.6%	30.8%
HSG	Thép	22.6	-0.4%	0.9	348	1.5	3,523	6.4	1.5	25.8%	28.8%
VNM	Tiêu dùng	197.3	-1.4%	0.7	12,614	3.9	6,356	31.0	12.2	59.4%	40.5%
SAB	Tiêu dùng	227.2	0.5%	0.9	6,418	0.4	7,350	30.9	10.6	9.7%	38.6%
MSN	Tiêu dùng	109.5	-0.5%	1.0	5,053	3.0	2,877	38.1	7.7	32.5%	20.6%
SBT	Tiêu dùng	17.5	0.3%	1.1	429	1.8	1,245	14.1	1.4	9.2%	7.6%
ACV	Vận tải	95.4	-3.5%	0.9	9,150	0.6	2,208	43.2	8.5	3.5%	21.8%
VJC	Vận tải	218.0	-1.4%	0.8	4,334	8.9	6,233	35.0	20.2	26.3%	68.7%
HVN	Vận tải	48.3	-1.8%	1.8	2,612	1.3	1,938	24.9	3.5	8.9%	14.6%
GMD	Vận tải	30.0	-0.2%	0.9	381	0.9	1,946	15.4	1.4	20.4%	8.1%
PVT	Vận tải	21.6	0.9%	1.1	268	0.5	1,599	13.5	1.6	33.8%	12.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	140.6	0.5%	0.8	991	0.9	6,830	20.6	9.4	2.6%	58.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	25.7	0.4%	1.0	508	1.7	1,779	14.4	1.8	34.5%	12.4%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.8	2.4%	0.8	248	0.1	1,277	11.5	1.1	6.6%	9.4%
CTD	Xây dựng	152.0	3.4%	0.2	524	1.8	20,436	7.4	1.6	42.8%	23.2%
VCG	Xây dựng	24.3	-0.8%	1.6	473	0.5	3,037	8.0	1.7	9.6%	21.5%
CII	Xây dựng	33.7	7.0%	0.6	365	3.8	6,032	5.6	1.7	67.0%	35.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	131.00	2.75	3.39	3.19MLN
BVH	107.20	6.14	1.55	503350.00
SAB	227.20	0.53	0.28	43680.00
FPT	63.00	2.11	0.25	2.87MLN
NVL	78.00	1.30	0.24	2.90MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	49.80	1.43	0.59	4.04MLN
PVS	20.80	5.58	0.27	4.65MLN
SHB	13.20	0.76	0.11	10.22MLN
CEO	16.00	3.23	0.05	1.67MLN
PVI	39.90	3.10	0.05	1.36MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ROS	126.00	-6.67	-1.57	1.84MLN
VNM	197.30	-1.35	-1.44	452710.00
BID	44.00	-1.79	-1.01	1.74MLN
PLX	81.40	-1.33	-0.52	532380.00
VJC	218.00	-1.36	-0.50	916470.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PGS	31.00	-2.52	-0.03	689
VCG	24.30	-0.82	-0.02	511139
SJ1	17.30	-9.90	-0.02	300
PLC	20.60	-2.83	-0.01	13640
SLS	69.50	-2.80	-0.01	16000

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAV	10.70	7.00	0.00	15540.00
CII	33.65	7.00	0.23	2.62MLN
VNE	8.11	6.99	0.02	2.70MLN
NT2	32.95	6.98	0.23	385890.00
HOT	49.10	6.97	0.01	13330.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PDC	4.40	10.00	0.00	100
STP	5.50	10.00	0.00	162310
TV3	33.00	10.00	0.01	100
PJC	49.80	9.93	0.01	100
BXH	14.50	9.85	0.00	1000

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HAX	22.50	-7.53	-0.02	236900
TCO	12.70	-6.96	-0.01	240
VPK	5.85	-6.85	0.00	2720
RDP	17.70	-6.84	-0.01	79800
PJT	13.05	-6.79	-0.01	290

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BTS	4.50	-10.00	-0.01	7090
ONE	9.10	-9.90	0.00	31100
DID	4.60	-9.80	0.00	10100
NHA	9.30	-9.71	-0.01	100
KMT	5.80	-9.38	0.00	500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

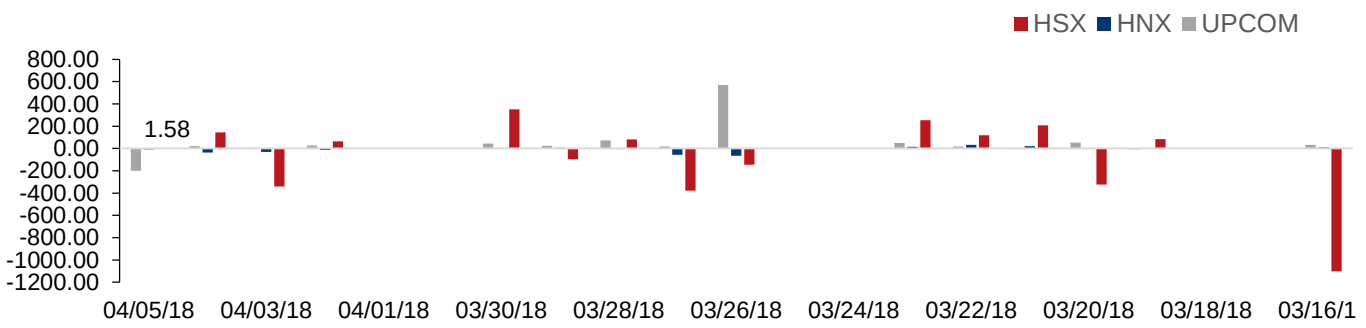

Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
2	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
7	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
8	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
9	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
10	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M06	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Vietnam Sector_VN_Ngành cao su	Phân tích ngành		Click	
13	Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ lãi	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Macro Outlook_2017 Second half	Phân tích vĩ mô		Click	
15	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M05	Phân tích vĩ mô		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2017	Phân tích ngành		Click	
17	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M04	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M03	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M02	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M01	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	14.6	530	27.5	1.2	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	33.0	2,762	11.9	1.9	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	14.7	669	22.0	1.3	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	33.7	749	45.0	2.3	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	49.8	1,953	25.5	3.4	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	39.0	4,735	8.2	1.3	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	25.5	824	31.0	2.2	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	21.6	1,599	13.5	1.6	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	58.8	5,540	10.6	2.8	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	38.0	2,494	15.2	3.0	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	14.5	2,801	5.2	0.9	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	40.5	5,435	7.5	2.3	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	63.0	5,532	11.4	2.9	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	73.5	2,527	29.1	5.0	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	20.8	1,792	11.6	0.9	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	36.7	1,955	18.8	2.4	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	152.0	20,436	7.4	1.6	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	6.3	868	7.2	0.4	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	139.0	18,611	7.5	2.4	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	200.5	6,727	29.8	7.3	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

http://www.bsc.com.vn

Bloomberg: BSCV <GO>